

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN - TUYỂN SINH VLVH, LIÊN THÔNG VLVH ĐỢT 2 NĂM 2020**

**Xét kết quả học tập bậc Cao đẳng hoặc Trung cấp**

STT	Trường	Họ và tên	Ngày sinh	Mã HS	KV	ĐT	Ngành	Điểm HT	ĐXT (thang 10)	ĐXT (thang 4)	Ghi chú
<b>Địa điểm: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam</b>											
1	DDQ	Nguyễn Thị Danh	20/04/1987	104	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	5.91	5.99	2.40	
2	DDQ	Trần Ngọc Đạt	17/04/1994	105	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	8.57	8.65	3.46	
3	DDQ	Thái Thị Mỹ Duyên	01/06/1993	106	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.06	7.14	2.86	
4	DDQ	Lê Thị Ngọc Hà	10/02/1988	107	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.41	6.41	2.56	
5	DDQ	Hoàng Lê Cát Hạ	20/05/1992	108	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.33	6.41	2.57	
6	DDQ	Lê Thị Thu Hằng	14/06/1987	109	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.82	6.82	2.73	
7	DDQ	Nguyễn Thanh Thúy Hằng	25/02/1983	110	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.40	6.40	2.56	
8	DDQ	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	28/07/1984	111	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.58	7.66	3.07	
9	DDQ	Vũ Thị Thúy Hồng	06/06/1998	112	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	3.05		3.05	tín chỉ
10	DDQ	Nguyễn Thị Minh Huệ	30/12/1991	113	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.23	7.31	2.93	
11	DDQ	Phạm Thị Thanh Hương	01/04/1993	114	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.58	6.66	2.67	
12	DDQ	Ca Thị Kim Huyền	21/09/1993	115	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.98	7.98	3.19	
13	DDQ	Phan Thị Lam	20/10/1987	116	2NT		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.66	6.83	2.73	
14	DDQ	Lê Thị Thu Lan	10/04/1984	117	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.59	6.59	2.64	
15	DDQ	Nguyễn Ngọc Lợi	14/11/1987	134	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.76	6.84	2.74	
16	DDQ	Nguyễn Văn Luận	05/04/1995	118	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.36	7.44	2.98	
17	DDQ	Đoàn Thị Lục	06/09/1988	119	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.76	6.76	2.70	
18	DDQ	Vũ Thị Mười	04/10/1991	101	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.80	6.88	2.75	
19	DDQ	Lê Thị Hòa My	13/12/1990	120	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.67	7.67	3.07	
20	DDQ	Nguyễn Thị Hoài Nam	06/11/1994	133	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.14	7.14	2.86	
21	DDQ	Huỳnh Thị Nga	10/10/1993	121	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	2.76		2.76	tín chỉ
22	DDQ	Hoàng Thị Phương	15/12/1991	122	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	5.79	5.79	2.32	
23	DDQ	Trần Lê Sang	31/10/1995	103	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.40	7.40	2.96	
24	DDQ	Poloong Thị Siêng	05/09/1998	123	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.86	7.94	3.18	
25	DDQ	Nguyễn Đức Thiên	04/07/1990	124	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.33	7.41	2.97	
26	DDQ	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	01/05/1994	125	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.99	7.07	2.83	
27	DDQ	Nguyễn Thị Thùy Trang	23/08/1988	126	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.29	7.37	2.95	
28	DDQ	Nguyễn Thị Trung	05/05/1989	127	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	8.37	8.45	3.38	
29	DDQ	Dương Thị Thanh Vân	15/02/1990	128	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.24	6.24	2.50	
30	DDQ	Ngô Thị Tuyết Vân	18/08/1975	129	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	5.47	5.47	2.19	
31	DDQ	Nguyễn Chiêm Viên	01/01/1993	102	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	6.40	6.40	2.56	
32	DDQ	Trương Thị Thúy Vinh	24/05/1990	130	2		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.58	7.66	3.07	
33	DDQ	Đinh Thị Thảo Vy	09/09/1998	131	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	3.16		3.16	tín chỉ

STT	Trường	Họ và tên	Ngày sinh	Mã HS	KV	ĐT	Ngành	Điểm HT	ĐXT (thang 10)	ĐXT (thang 4)	Ghi chú
34	DDQ	Nguyễn Thị Phương Yến	28/09/1990	132	3		Kế toán (CĐ-ĐH)	7.14	7.14	2.86	
35	DDQ	Hoàng Thị Tô Ân	10/06/1994	205	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.60	7.68	3.07	
36	DDQ	Nguyễn Thị Tuyết Anh	28/12/1978	206	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.20	6.20	2.50	
37	DDQ	Nguyễn Thị Thu Ba	14/01/1977	207	2NT		Kế toán (TC-ĐH)	5.90	6.07	2.50	
38	DDQ	Trần Văn Đen	10/02/1970	204	3		Kế toán (TC-ĐH)	5.40	5.40	2.16	
39	DDQ	Trần Thị Kiều Diễm	25/09/1991	208	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.80	6.88	2.75	
40	DDQ	Võ Thị Hoàng Diễm	01/04/1988	209	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.60	6.68	2.67	
41	DDQ	Nguyễn Anh Đình	26/03/1984	210	3		Kế toán (TC-ĐH)	7.30	7.30	2.92	
42	DDQ	Nguyễn Thị Hải	28/05/1980	211	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.60	7.68	3.07	
43	DDQ	Phạm Thị Ngọc Hạnh	10/12/1980	212	3		Kế toán (TC-ĐH)	8.20	8.20	3.28	
44	DDQ	Nguyễn Thị Hoa	15/08/1972	213	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.21	6.29	2.52	
45	DDQ	Thái Thị Hoanh	02/02/1981	214	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.80	6.80	2.72	
46	DDQ	Trương Thị Vỹ Hội	14/11/1985	215	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.40	6.48	2.59	
47	DDQ	Đặng Thị Minh Huệ	10/09/1982	216	3		Kế toán (TC-ĐH)	7.10	7.10	2.84	
48	DDQ	Nguyễn Minh Huy	04/10/1987	217	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.90	6.90	2.76	
49	DDQ	Ngô Thị Xuân Lan	10/06/1980	218	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.70	6.70	2.68	
50	DDQ	Hồ Thị Hồng Lê	07/07/1978	219	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.40	7.48	2.99	
51	DDQ	Lê Thị Lệ	01/01/1988	220	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.90	6.98	2.79	
52	DDQ	Đặng Thị Mỹ Lệ	24/07/1986	221	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.10	7.18	2.87	
53	DDQ	Nguyễn Thị Lợi	10/08/1982	223	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.45	6.53	2.61	
54	DDQ	Trần Thị Ánh Nguyệt	10/01/1982	224	3		Kế toán (TC-ĐH)	7.20	7.20	2.88	
55	DDQ	Nguyễn Đình Nhân	01/01/1970	225	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.70	7.78	3.11	
56	DDQ	Phạm Thị Thúy Phương	20/04/1978	227	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.69	6.69	2.68	
57	DDQ	Nguyễn Thị Phụng	16/10/1985	226	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.60	6.68	2.67	
58	DDQ	Trần Di Quát	01/01/1983	228	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.30	7.38	2.95	
59	DDQ	Trần Thị Sen	08/09/1982	229	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.30	6.38	2.55	
60	DDQ	Ngô Thị Minh Tâm	18/02/1980	230	3		Kế toán (TC-ĐH)	7.20	7.20	2.88	
61	DDQ	Nguyễn Thị Cẩm Tân	17/10/1975	231	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.60	6.60	2.64	
62	DDQ	Nguyễn Thị Thắm	08/11/1984	232	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.10	7.18	2.87	
63	DDQ	Phạm Vũ Ngọc Thảo	30/01/1981	233	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.00	6.00	2.50	
64	DDQ	Lê Thị Phương Thảo	16/02/1982	234	3		Kế toán (TC-ĐH)	8.20	8.20	3.28	
65	DDQ	Võ Thị Thê	08/03/1986	235	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.60	7.68	3.07	
66	DDQ	Hồ Viễn Thông	12/04/1981	236	3		Kế toán (TC-ĐH)	5.90	5.90	2.36	
67	DDQ	Cao Thị Hằng Thu	28/01/1983	237	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.20	6.20	2.50	
68	DDQ	Phạm Thị Thanh Thu	25/10/1986	238	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.90	6.98	2.79	
69	DDQ	Lê Trần Thanh Thu	02/09/1972	239	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.50	6.50	2.60	
70	DDQ	Hồ Thị Tiết	16/11/1988	202	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.50	7.58	3.03	
71	DDQ	Nguyễn Thị Thùy Trâm	02/02/1973	240	3		Kế toán (TC-ĐH)	7.70	7.70	3.08	

STT	Trường	Họ và tên	Ngày sinh	Mã HS	KV	ĐT	Ngành	Điểm HT	ĐXT (thang 10)	ĐXT (thang 4)	Ghi chú
72	DDQ	Võ Thị Thu Trang	16/07/1989	203	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.60	6.68	2.67	
73	DDQ	Lê Thị Uyên Trinh	09/02/1989	201	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.80	6.88	2.75	
74	DDQ	Nguyễn Thị Thu Vân	07/09/1982	242	2		Kế toán (TC-ĐH)	7.00	7.08	2.83	
75	DDQ	Lê Thị Anh Vân	16/03/1980	243	3		Kế toán (TC-ĐH)	6.90	6.90	2.76	
76	DDQ	Hồ Thị Loan	12/02/1981	222	2		Kế toán (TC-ĐH)	6.80	6.88	2.75	
77	DDQ	Nguyễn Thị Tuyết	02/03/1985	241	3		Kế toán (TC-ĐH)	7.30	7.30	2.92	

*Danh sách này có 77 thí sinh./.*